

Bản án số: 16/2023/DS-ST
Ngày: 15-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
bê tông thương phẩm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hg Văn Ngọc và ông Nguyễn Chí Dựng.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn P; địa chỉ: Phường Q, quận B, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Văn Minh – Giám đốc. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T và ông Đinh Hữu C - Luật sư Công ty luật TNHH Một thành viên G thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; địa chỉ: phường L, quận B, thành phố Hải Phòng. (Ông C có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Thế H, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu dân cư X, phường D, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) P (sau đây được gọi tắt là Công ty P) có đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên, lĩnh vực kinh doanh chủ yếu sản xuất bê tông thương phẩm, bê tông đúc sẵn. Ngày

26/6/2016, Công ty TNHH P đã ký Hợp đồng kinh tế số 26.06/2016-HĐKT về việc mua bán bê tông thương phẩm với ông Lê Văn H (tức Lê Thế H); địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện Kinh Môn (nay là khu dân cư X, phường D, thị xã Kinh Môn), tỉnh Hải Dương. Theo Hợp đồng này thì Công ty P là đơn vị cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông phục vụ thi công công trình theo đơn đặt hàng của ông H tại “Khu đô thị Hiệp Sơn, Kinh Môn, Hải Dương”. Sau khi Hợp đồng kinh tế này được ký kết, Công ty P đã cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông theo đơn đặt hàng của bên mua là ông H. Địa điểm cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho ông H là công trình “Xây dựng chuỗi nhà hàng, nhà nghỉ tại khu đô thị Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương”. Việc giao nhận bê tông giữa Công ty P và ông H được hai bên cùng nhau xác nhận nợ và ký vào phiếu xuất bê tông, ký biên bản xác nhận khối lượng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty P cung ứng bê tông đến tận công trình cho ông H, ông H sẽ trả tiền luôn hoặc sẽ trả vào đợt đổ bê tông sau nhưng trong 02 lần cung cấp bê tông thương phẩm vào ngày 18/9/2016 và 13/10/2016 ông H không thanh toán ngay cho Công ty P và sau đó cũng không thanh toán vào các đợt đổ bê tông sau; cụ thể là: Ngày 18/9/2016, Công ty P cung ứng 51 m³ bê tông thương phẩm Mác 250 đá 1x2, đơn giá 800.000 đồng, thành tiền 40.800.000 đồng; công bơm 90.000 đồng/m³, thành tiền 4.590.000 đồng; tổng cộng là 45.390.000 đồng. Đến ngày 13/10/2016 Công ty P cung ứng 50 m³ bê tông thương phẩm Mác 250 đá 1x2, đơn giá 800.000 đồng, thành tiền 40.000.000 đồng; công bơm 100.000 đồng/m³, thành tiền 5.000.000 đồng; tổng cộng là 45.000.000 đồng. Sau mỗi lần cung cấp bê tông, lái xe bơm của Công ty P đều ký chốt phiếu xác nhận khối lượng bê tông với ông H. Tổng cộng cả 02 lần ông H chưa thanh toán cho Công ty P là 90.390.000 đồng. Cuối tháng 10 năm 2016, Công ty chốt cuối tháng xác định ông H đã vi phạm hợp đồng từ ngày 30/10/2016. Sau đó, Công ty P đã đòi ông H nhiều lần số nợ trên nhưng ông H không trả; từ 26/12/2016 đến 29/7/2017 Công ty P còn cung cấp thêm cho ông H 09 lần nữa, những lần này Công ty đều lấy tiền ngay.

Nay Công ty P xác định ông H đã vi phạm hợp đồng từ ngày 30/10/2016, yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Thế H thanh toán cho Công ty P số nợ gốc 90.390.000 đồng. Và yêu cầu Tòa án buộc ông H phải thanh toán cho Công ty P lãi chậm trả, mức lãi suất chậm trả Công ty Phúc Tiến không yêu cầu tính theo mức lãi suất nợ quá hạn bình quân của 03 ngân hàng mà chỉ yêu cầu với mức lãi suất tối thiểu theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm, thời điểm vi phạm hợp đồng ngày 30/10/2016, Công ty xác định thời điểm tính lãi sau 30 ngày kể từ ngày vi phạm và tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 30/11/2016 đến nay (15/9/2023) là 61.390.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 151.780.000 đồng.

Tại biên bản làm việc với Tòa án, bị đơn ông Lê Thế H xác định: Ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, ông đã thanh toán trả Công ty P hết các khoản nợ mua bê tông tươi, ông không còn nợ Công ty P khoản nợ nào nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sẽ có đơn trình bày bằng văn bản nộp cho Tòa án sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Thế H phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH P số tiền 90.390.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng kinh tế HĐ số: 26.06/2016-HĐKT ngày 26/6/2016 giữa hai bên và phải chịu số tiền lãi kể từ ngày 30/11/2016 đến nay theo mức lãi suất chậm trả 10%/năm là 61.390.000 đồng; tổng cộng là 151.780.000 đồng. Kể từ ngày 16/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Về án phí: Ông Lê Thế H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Công ty TNHH P khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm với bị đơn ông Lê Văn Hoàn (tên gọi khác Lê Thế H); địa chỉ: Khu dân cư X, phường D, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho bị đơn là ông Lê Thế H. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại Hợp đồng kinh tế HĐ số: 26.06/2016-HĐKT ngày 26/6/2016 về việc mua bán bê tông thương phẩm giữa bên mua (bên A): Nhà dân ông Lê Văn Hoàn và bên bán (bên B): Công ty TNHH P, hai bên thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế được lập thành văn bản và có chữ ký của hai bên, tại Điều 1: Nội dung Hợp đồng: Bên A đồng ý mua, bên B đồng ý bán bê tông thương phẩm phục vụ thi công công trình của bên A tại công trình “Khu đô thị Hiệp Sơn, Kinh Môn, Hải Dương”. Tại Điều 5-Thanh toán: 5.2/ Nội dung thanh toán: Sau khi xác nhận khối lượng từng đợt bê tông, bên A thanh toán

100% giá trị tiền bê tông và tiền bơm cho bên B (Thanh toán theo từng đợt cấp hàng). Nếu quá thời hạn trên bên A chưa thanh toán phải chịu lãi suất cho bên B theo lãi suất quá hạn của ngân hàng tại thời điểm (nhưng không được quá 30 ngày), tuy nhiên hai bên không có thỏa thuận cụ thể theo lãi suất của ngân hàng nào, quá trình giải quyết bị đơn xác định ông đã thanh toán trả Công ty P hết các khoản nợ mua bê tông tươi, ông không còn nợ Công ty P khoản nợ nào và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, có căn cứ xác định giữa hai bên đã ký hợp đồng mua bán bê tông thương phẩm là loại hợp đồng mua bán tài sản và có thỏa thuận tính lãi chậm trả, có tranh chấp về lãi phù hợp với các quy định của các điều 401, 402, 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 18/9/2016 Công ty P cung ứng 51 m³ bê tông thương phẩm Mác 250 đá 1x2 đơn giá 800.000 đồng, thành tiền 40.800.000 đồng; công bơm 90.000 đồng/m³, thành tiền 4.590.000 đồng; tổng cộng là 45.390.000 đồng, có phiếu xuất bê tông của Công ty và hai bên đã ký chốt phiếu xác nhận khối lượng bê tông vào ngày 18/9/2016. Ngày 13/10/2016, Công ty P cung ứng 50 m³ bê tông thương phẩm Mác 250 đá 1x2 đơn giá 800.000 đồng, thành tiền 40.000.000 đồng; công bơm 100.000 đồng/m³, thành tiền 5.000.000 đồng; tổng cộng là 45.000.000 đồng; có phiếu xuất bê tông của Công ty và hai bên đã ký chốt phiếu xác nhận khối lượng bê tông vào ngày 13/10/2016. Công ty P xác định ông H đã vi phạm hợp đồng từ ngày 30/10/2016 và tổng hợp chi tiết công nợ, ông H còn nợ Công ty P 90.390.000 đồng. Công ty P xác định ông H chưa thanh toán trả Công ty số tiền này đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền với số tiền gốc 90.390.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất là 10%/năm chỉ tính từ ngày 30/11/2016 đến nay. Bị đơn ông H xác định đã thanh toán hết cho Công ty P, không còn nợ khoản nào nhưng ông không nộp cho Tòa án chứng cứ nào để chứng minh cho nội dung ông trình bày. Do đó, HĐXX không có căn cứ chấp nhận nội dung trình bày của bị đơn và cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với Điều 351, Điều 353 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên không có yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về lãi chậm trả: Hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng về tính lãi chậm thanh toán theo lãi suất quá hạn của ngân hàng nhưng có tranh chấp về lãi nên cần tính mức lãi suất chậm trả là 10%/năm là phù hợp với Điều 357, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Thời điểm tính lãi chậm trả: Hai bên có thỏa thuận nếu quá thời hạn chưa thanh toán phải chịu lãi suất theo lãi suất quá hạn của ngân hàng tại thời điểm (nhưng không được quá 30 ngày), ông H chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với 51 m³ bê tông thương phẩm với số tiền 45.390.000 đồng ngày 18/9/2016 và 50 m³ bê tông thương phẩm với số tiền 45.000.000 đồng ngày 13/10/2016. Công ty P xác định ông H đã vi phạm hợp đồng từ ngày 30/10/2016, thời điểm tính lãi sau 30 ngày kể từ ngày vi phạm và

tự nguyện chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 30/11/2016 đến nay đối với tổng số tiền 90.390.000 đồng. Do đó, HĐXX cần chấp nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn xác định thời điểm tính lãi chậm trả từ ngày 30/11/2016 là phù hợp.

[6] Cụ thể, số tiền lãi chậm trả sẽ được tính như sau: Từ ngày 30/11/2016 đến hết ngày 15/9/2023 là 06 năm 09 tháng 15 ngày = 81,5 tháng $\times 10\%/năm/12$ tháng $\times 90.390.000$ đồng (tiền gốc) = 61.390.000 đồng (sáu mươi một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 15/9/2023 là 151.780.000 đồng (một trăm năm mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

[7] Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Thế H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH P tổng số tiền trên và ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Do đó cần trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp và buộc bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 184, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 401, 402, 428, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 351, 353, 357, 440, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Thế H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty TNHH P theo Hợp đồng kinh tế HĐ số: 26.06/2016-HĐKT ngày 26/6/2016 về việc mua bán bê tông thương phẩm, số tiền còn nợ 90.390.000 đồng (chín mươi triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng) và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/11/2016 đến ngày 15/9/2023 là 61.390.000 đồng (sáu mươi một triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng), tổng cộng tính đến ngày 15/9/2023 là 151.780.000 đồng (một trăm năm mươi một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi

hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Lê Thế H phải chịu 7.589.000 đồng (bảy triệu năm trăm tám mươi chín nghìn) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Công ty TNHH P số tiền 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002100 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi